

Chữ « KHÔNG » trong Đạo Phật.

- Trịnh Khải -

Đây là bài nói chuyện đã được trình bày tại : Trung tâm Văn hóa Xã hội Medecins du VN, 20 avenue d'Ivry - 75013 PARIS

Buổi nói chuyện hôm nay vẫn theo Đạo lý của Đức Phật : “*Tự giác, giác tha*”.

Trong việc *Hiếu - Học – Hành* Phật Đạo, *Chúng ta phải cẩn thận vì Hiếu cũng có thể sai lầm rất tai hại trong việc Học và Hành*. Trong bài này hoàn toàn không có tín ngưỡng di đoan, thần thông, phép lạ đi đến gây hỏa mù đưa những người nghe, phật tử vào con đường hiểu lầm chính đạo. Tôi cũng xin nhắc lại: Trong bài này nếu quý vị thấy hợp với bản thân mình, thì xin tùy nghi sử dụng, nếu đoạn nào không hợp thì quên đi. *Bài này rất cô đọng*, kính xin quý vị đọc lại và nghiền ngẫm thật kỹ.

Đối với Âu Tây, chữ “*không*” trong Phật Đạo đã đem lại bao nhiêu hiểu lầm tai hại, ngoài ra còn “xuyên tạc”, ác ý... làm đọc giả hiểu sai quấy về Đạo này. Ví dụ : Culte du néant (tôn thờ chân không) – Église du nihilisme (Tôn giáo của vô giá trị) - Athée (Vô tín ngưỡng) – Destruction du principe pensant (Hủy hoại trí tuệ) -

Theo truyền thống tư tưởng văn chương Pháp và Việt : «*Mỗi chữ là gói cả linh hồn một chủng tộc..... , nhà văn, chính trị gia, tôn giáo ... không được coi thường linh hồn chủng tộc*». Do đó quan niệm của các văn hào VN từ xưa đã có là: *các tiền nhân đã để tâm tư-tưởng nhiều vào mỗi tiếng ; mỗi chữ là một ý-niệm rõ ràng* Qua thời gian với bao nhiêu biến đổi trong khối óc con tim của dân-tộc *mỗi chữ* đã trở nên *quý hóa*, trở thành *kho tàng của dân tộc*.

Vì thế chúng ta không được quyền khinh miệt, có thái độ khinh bỉ, bán rẻ kho tàng dân tộc..... Các tôn giáo cần phải cẩn thận hơn nữa khi dùng từ ngữ đặc biệt của chính Đạo.

Trong thực tế từ ngữ dùng trong Đạo Phật :

- 1.- Bắc Tông (Phật Giáo Cấp tiến còn được gọi Đại Thặng - *cỗ xe lớn - Mahayana*) dùng Hán tự dịch ra từ chữ Sanscrit của Ấn Độ
- 2.- Nam Tông (Phật Giáo Nguyên Thủy còn được gọi Tiểu Thặng - *cỗ xe nhỏ - Hinayana*) dùng chữ Pali của Siri Lanka dịch ra.

Qua mấy ngàn năm biến đổi, các từ ngữ Âu Châu càng rõ ràng hơn qua thành quả về khoa học, nhân sinh, nhân văn....(*) Do đó các danh từ trong Phật Đạo có rất nhiều nghĩa đã đưa đến nhiều giải thích sai lầm, đưa đến các chuyển ngữ (thông dịch) không có giá trị và còn đưa đọc giả trí thức ra khỏi chính đạo.

Chữ “không” hoặc “Vô”, “vô hữu”, « vô sắc », « bất » có thể dịch : *Impermanent – mouvements – transformations - Vide – Non forme – Néant – Néantisation - Vacuité – Non-être – Non moi - Néantissement – Indéterminité - Anéantissement*

Sau đây là các nghĩa chính của chữ *không* hay *vô* trong giáo lý Đạo Phật:

1. **Không có** : *inexistence*. Dịch lầm : Vô Ngã = Non moi ou le moi inexistant ou non existence du moi.
Nghĩa chính: Vô ngã = Vô *thường* ngã = *le moi impermanent ou l'irréalité du moi ou l'existence impermanente du moi*.
2. **Vô thường ; vô định** : l'impermanence ou la transformation ou le changement ou le *mouvement*
- 3.- **Vô kiến** (invisible) ; *vô hình* ; *vô sắc* ; *vô thể* : la *non-forme* (physique) ou *le vide = Không*.
- 4.- **Không thực, vô hữu ; giả hữu** Valeurs relatives ; l'irréalité du réel (des choses)
- 5.- **Vô chân như** : không có giá trị tuyệt đối*inexistence des valeurs absolues*
- 6.- **Hư-vô** : không có gì hết - *néant* (terme philosophique) ; *vide physique* (inexistant) : theo khoa học ngày nay chân không vật lý không có thật. Đây là gốc của rất nhiều hiểu lầm.
- 7.- **Không (toàn diện)** (*Kinh bát nhã*) = **Chân không**, *không còn giá trị tương đối của trần tục* (l'extinction (*Nirvana*) de toutes les valeurs relatives du Domaine du Conditionné) để đi đến *giác ngộ* (Eveil), được

dịch là *la vacuité* (se débarrasser des valeurs relatives afin d'atteindre les valeurs absolues du Domaine de l'Inconditionné, la *nature du Bouddha*) : *thoát khỏi trần tục tiến đến tâm Phật*.

8.- Những chữ Vô (Không) gốc Lão : **vô sắc ; vô tinh ; vô hình ; vô vật ; vô chi ; vô dụng**.....

Trước khi vào chi tiết về chữ « **không** » và để tránh hiểu lầm chúng ta cần nhìn rõ hơn về hai tông kể trên.

Trên *diện cơ bản* Đạo Lý của Phật Đạo : « Vô Thường » - « Nhân Quả » - « Vô Ngã ; Chân Ngã » - « Nghiệp Duyên » - « Liên Đới » - « Vô và Hữu » - « Sắc và Không » - « Tự Thánh Đế » - « Thập Nhị Nhân Duyên » ... Hai Tông đều *hiểu giống nhau* về «**tông chỉ**» của Phật vì thế chưa bao giờ có sự tranh chấp, ầu ẩu, đổ máu....(Ví dụ : Nuit de Saint Barthélémy – Constantinople – Croisades - Maya.....Algérie – Irak.....) và chiến tranh nhân danh Đạo Phật như chúng ta đã và đang thấy ở các tôn giáo to lớn khác. *Đây là điểm son của Đạo Phật đối với nhân loại*, cũng là niềm hạnh diện của Phật tử vì Đạo này *chưa bao giờ đem lại cái xấu mà chỉ phổ biến cái hay cho chúng sinh*.

Tìm hiểu chữ «không» của PHẬT ĐẠO.

Vì muốn tôn trọng «*Nguyên Thủy*» nên Nam Tông (*Tông này không chịu ra khỏi Kinh Tam Tạng thành ra nhiều khi từ chương.*) chỉ giới hạn từ ngữ «**không**» trong hai phạm vi chính là «vô thường» và «vô ngã» nhưng cũng không tránh được mông muội (mờ mịt) về thiên đàng địa ngục. Bắc Tông (*Bắc Tông dựa theo tông chỉ Phật (Kinh Tam Tạng) để tiến hóa và phát triển tự do tư tưởng.*) thì để tự do tư tưởng nên ta thường thấy các luận đàm được mở rộng ra về nhiều khía cạnh do đó có nhiều điều rất hay nhưng cũng có nhiều tư tưởng trở thành huyền thoại. Điển hình là: *Vì biết chúng sinh chưa «giác ngộ» không có khả năng hiểu* nên Đức Phật đã không giải thích «Niết Bàn», «Tâm giác ngộ», «Tâm Phật».... Mà chỉ *hướng dẫn chúng sinh qua Phật Đạo*..... để đi đến mục đích trên.

Đây là những *giá trị tuyệt đối mất trần tục* còn trong kiếp luân hồi không thể nhìn thấy ; kẻ nào tự hào, tự phụ, tự mãn... tự cho mình nhìn thấy đều là *vọng ngã* (kiến-tư = l'intériorité), *vọng kiến* (pháp cảnh = le monde extérieur ou l'extériorité), *tuồng tượng, không thực*. Ông Nagarjuna (Bồ Tát Long Thọ, đặc đạo rất được tôn thờ ở Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Tây Tạng v. v.....) đã viết cho những người này : « *Nếu quý vị nhìn thấy Phật, phải giết ngay Phật* » *đây chỉ là giả hữu do vọng ngã mà ra*.

Cũng như trong Kinh Kim Cương Đức Phật đã nói:

«*Cái gọi là Phật Pháp(1), tức không phải Phật Pháp(2), nên gọi là Phật Pháp(3)* ». (4)

Khi đắc đạo ra khỏi tương đối

(1) (Trần tục = Domaine du Conditionné = **Không** phải *chân như*) *thì sẽ thấy tuyệt đối*

(2) (Giác Ngộ = Domaine de l'Inconditionné) *rõ như nhìn mặt trời*.

(3) *Vì chưa thoát được Trần tục nên phải dùng danh từ trần tục*.

(4) *Les Dharmas, tels qu'on les nomme, ne sont pas en fait les Dharmas. C'est pourquoi ils sont appelés Dharmas. Vì lẽ đó Phật nhắc nhở chúng ta giá trị tương đối khi chưa đạt được giác ngộ*.

Vì đề tài quá rộng lớn nên tôi xin phép quý vị chỉ đề cập chữ «**không**» Phật Đạo trong hai phạm vi «Vô Thường» và «Vô Ngã» và *sẵn sàng trả lời các câu hỏi ra ngoài giới hạn này*.

A. - Luật «Vô Thường».

Hai Tông Nam Bắc đều thấu triệt luật thiên nhiên này nhưng từ cùng *Hiểu* chuyển qua *Học* thì có khác để *khi Hành* thì sự cách biệt càng thấy rõ hơn. Mặc dù có nhiều kiến thức và giải thích khác nhau nhưng mọi Tông phái đều lấy cái « **tông chỉ** » của Phật dùng làm căn bản để lập luận, để giải thuyết. *Tuy thế nhiều Phật tử hiểu lầm nên cũng có ý niệm chia rẽ*.

I.- Theo Nam Tông (*) chữ « Vô » hoặc « **Không** » được hiểu là *trong kiếp luân hồi* (vô thường) tất cả mọi «**thể**» (physique), «**tuồng**» (forme) (Theo Lão tử: « *Khi thể quá lớn thì mất tuồng* ».) đều thay đổi không ngừng, không bao giờ giống nhau cả vì vậy *ngũ uẩn* của chúng sinh chỉ đưa ra những *vọng ngã, vọng kiến* (erreur), ảo tưởng (illusion) mà không có giá trị tuyệt đối.... nhưng được xem là « **có** » *tương đối*. *Tuy*

thể Nam Tông nói luân hồi là «có» và Niết Bàn là «không» : Đó là cái *có* tương đối và *không* đây là không còn cái *có* tương đối.

(*) Nói chung Nam Tông gồm :

- 1.- **Câu xá Tông** (Thiền Định) : Dùng phương pháp *thiền* để đi đến tuệ giác. *Quá khứ và vị lai là vô thể* - một cái đã mất đi; một cái đâu đã có -. *Hiện tại là hữu thể - có* tương đối -. Chia nhân làm lục nhân, duyên làm tứ duyên và quả làm ngũ quả. *Đây cũng là chính gốc của Phật Giáo Thiền Tông (Bắc Tông)*
- 2.- **Thành thực Tông**. Vì *vô thường* nên mọi vật đều "*giả hữu*" (không thật), chúng sinh không có khả năng nhận "*thực hữu*" (chân thật).
- 3.- **Luật Tông**. Đây là tổng hợp của hai Tông trên dựa trên Luật tạng.

a.- **«CÓ» (hữu - sắc : forme)** nghĩa là tuy mọi vật đều thay đổi « *vô thường* », nhật sét (ngũ uẩn) của chúng sinh về «*có*» chỉ là tương đối nhưng mỗi lúc (à *l'instant*) cái «*có*» này là *sự thật đang thay đổi* (une réalité en transformations perpétuelles). Để giải thích : bản thân ta, thức ăn v.. v. đều *vô thường* nhưng Ta (Thân và Tâm) là «*có*» sống được là nhờ «*có*» thức ăn. Đây là cái «*có*» tương đối với thời gian, cũng nhờ cái «*có*» này (*) mà các vị tu hành mới có hy vọng hành Phật Đạo để đến Niết Bàn là «*không*» đối với Nam và Bắc Tông : *dứt được cái «có» tương đối (Vô Thường) là đến cái «không»....của tất cả tương đối* (Giác ngộ - Niết Bàn).

Cũng vì lý do trên Nam Tông còn được gọi là phái «Bảo Thủ» chủ trương *hữu luận* và Bắc Tông gọi là phái «Cấp Tiến» chủ trương *không luận*.

(*) Cũng nhờ cái « *vô thường Ngã* » mà chúng sinh mới « *tu là chuyển nghiệp* » mới mong giải thoát được kiếp luân hồi như Đức Phật đã thành công và đã nói « *Thượng thiên, hạ địa duy ngã độc tôn* » nghĩa là « *trên trời dưới đất chỉ ngã của mỗi chúng ta là đáng tôn trọng* » vì nó có thể làm cho ta đạt được sự giác ngộ vì tu là chuyển nghiệp : *không có Trời, Phật, Thánh, Thần... nào làm thế cho ta cả. Xưa kia không có thánh thần nào giúp Đức Phật đã từ kiếp người mà tu được đến Giác Ngộ.*

b.- **«Không» (vô: vide, non forme, vacuité)** là khi đã ra khỏi kiếp luân hồi – đã vào Niết Bàn – thì tất cả các «*có*» trần tục đều không còn nữa vì tất cả «*thể*» (physique - essence), «*tướng*» (forme - existence) – *giá trị tương đối* - đều *không có giá trị tuyệt đối* và trở thành « *không* » cả. *Đối với giác ngộ hoặc đắc đạo, Phật Giáo Cấp tiến (*) và Nguyên thủy cùng hiểu như nhau về chữ «không» (la vacuité).*

Khi đã Giác Ngộ vào Niết Bàn (giá trị tuyệt đối) mọi *thể*, mọi *tướng* trần tục đều là *giả hữu* (giá trị tương đối), là *không* (la vacuité) kể cả *Tam Bảo* (Phật – Pháp – Tăng) ở *trần tục* chỉ được xem như chiếc thuyền dùng để qua bờ sông kia (trần tục), sau đó thì bỏ lại. Vì dịch sai lầm – *không* (la vacuité) = *néant* - mà Âu Tây đã hiểu lầm tai hại cho rằng Đạo Phật tôn thờ chân không : *le culte du Néant* (Barthélémy Saint-Hilaire et Victor Cousin) – *église du nihilisme* (Ernest Renan) – *la religion du diable* (Paul Claudel).

(*) Qua kinh « *Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh* » : « *Quan Tự tại Bồ tát, khi thi hành Bát Nhã Ba La Mật Đa – Trí tuệ độ - thấy rõ ngũ uẩn đều không.....sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc (1), sắc là không, không là sắc..... không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo.....* » nghĩa là tất cả «*có*» của trần tục đều là « *không* » đối với Niết Bàn.

(1) **Sắc bất dị không, không bất dị sắc (la forme est le vide, le vide est la forme)**. Khoa học ngày nay cũng phải công nhận điều này của Đạo Phật. Để tránh hiểu lầm chúng ta nên chuyển ngữ chữ **không (Vô)** ra tiếng Pháp để so sánh :

a.- **Vô thể** (le Vide physique) : không chất lượng = inexistence physique (*immatériel* – tâm linh). *Khi vô thể thì sẽ vô tướng*. Trên bình diện khoa học nhờ *vô thể* mà ra *tướng (không bất dị sắc)* : ví dụ nhờ hiện diện vô thể (le vide) trong nguyên tử, phân tử.....ta nhìn thấy cái *tướng (la forme)* của vật chất vì vậy nhờ có Vô Thể (le Vide = Không) mà chúng ta mới nhìn thấy *Tướng (la forme = Sắc)* của chúng ta. Nếu không có Vô Thể (Không) Quả Đất còn nhỏ hơn quả bưởi.

b.- **Vô tướng**: không có hình giáng = sans forme, *non forme*. Khi thể nhỏ qua (nguyên tử, phân tử..) mất không thấy thì trở thành vô tướng, lớn qua cũng thành vô tướng (quả đất)..... ; hữu thể (matériel) đã thành vô tướng ; thông thường hữu thể là hữu tướng (hình)..... *Vô thể, vô tướng* đã được dịch là le *Vide*.

Lão Tử đã nói về tương quan giữa thể và tướng : *Cái chai có phần hữu thể (sắc) ở ngoài và vô thể (không) ở trong, chính vô thể đã đem lại công dụng cho phần hữu thể*. (Du pouvoir de l'esprit (l'immatériel) sur l'action (le matériel), Lao-Tseu disait : « La bouteille possède une forme (le matériel) extérieure et le vide (l'immatériel) intérieur et c'est le vide qui rend la forme utile ».)

c.- **Vô tuyệt đối**= (Chân như – Giá trị tuyệt đối – Giác Ngộ - Niết Bàn..) = *không (toàn diện) là không tất cả giá trị tương đối* để đạt tới giá trị tuyệt đối (Niết Bàn), đây là thuộc về *Tâm đã đạt tới vô sắc vô không* nên đã dịch là la *Vacuité* (không nên lẫn lộn với chữ la Négation, le Néant, l'Anéantissement..... như ta thường thấy trong nhiều bản Pháp văn nói về Đạo Phật).

Đạo Phật có mục đích tối thượng là đem trí tuệ (l'esprit = l'immatériel ou la non forme ou la vacuité) chế ngự (libéralisation totale) lục giác (les six sens = le matériel et l'immatériel) để đi đến giác ngộ (tuệ giác = La Connaissance) → *Vô Trụ*.

«**Chính kiến**» (phần quan trọng nhất trong Bát chính đạo) của hai Tông về «Vô Thường» là *một* nhưng khi chiết giải thì có khác đi :

- Với Nam tông (*hữu luận*) : khi ta sống trong trần tục thì ngũ uẩn cho ta cái «*có*» (*Hữu*) tương đối - ảo tưởng - vọng Ngã..., khi ta giác ngộ thì tất «*có*» sẽ thành «*không*» (*Vô*). Tóm lại có *hai thể* (thể gian và Niết bàn) vì *hai* lối nhìn (Trần tục và Giác ngộ).
- Với Bắc Tông (*không luận*) chỉ có *một thể* nên phải nhìn qua «*không*» ngay từ ban đầu đối với kẻ đi tìm giác ngộ để tránh ngộ nhận và làm lẫn (vọng kiến) vì khi đến giác ngộ cái *có* (và cái không) cũng sẽ là *không*.

Đối với chúng sinh trần tục thì *chính kiến* hai tông không có dị biệt nhưng Học và Hành thì khác nhau. Cái *Có* vừa là phương tiện (Nam tông) vừa trở ngại (Bắc Tông). Tóm lại phái Nam tông chấp nhận «*có*» tương đối (giả hữu) sau đó đi đến *tuyệt đối* sẽ là «*không*» (*chân như*). Đối với Bắc tông chỉ có *Chân Như* là *thật*, là một thể nên tránh (không thể *có*) hai cách nhìn hoặc hai cách giải thích.

Đối với Phật tử nhất là kẻ tu hành thì phải xem *có tương đối* (giả hữu) chỉ là *không* như cái *không ở tuyệt đối* (chân như). Cái *không* trong cuộc sống của chúng ta không phải cái *không toàn diện* (Néant) chỉ vì cái thể, cái tướng vô thường thay đổi liên tục nên *không có giá trị tuyệt đối - Phật đắc đạo, Niết Bàn đều là giá trị tuyệt đối (Chân Như)*. Vì lý do này tuy hiểu là *một* nhưng học và hành *có khác nhau* đối với hai *Tông Nam Bắc*, sau đó lại thêm phái Bắc Tông *trung luận* (vừa *hữu* và *không*).

Nam Tông: Nhờ cái *có* tương đối (Vô Ngã) kẻ tu hành mới tiến đến Tuệ Giác : *Chân Ngã*.

Bắc Tông : Tại cái *Vô Ngã* (tham, sân, si,.....) là một bức tường ngăn chặn Tuệ Giác : *Chân Ngã*.

Qua lối hiểu này - *có tương đối* (giả hữu) - Phật Tử Chúng Sinh ở Đông Nam Á đã sinh ra quan niệm *nhân sinh* hiền hòa, hạnh phúc được giải thích: « Giác Ngộ » quả quá khó khăn, mấy kẻ tu hành đã đắc đạo được.....thôi thì ta (thường dân - chư pháp) cứ từ từ *tiến hành* Phật Đạo từ kiếp này đến kiếp khác, *cuộc sống cũng có cái khổ, cũng có cái hay.....ta cứ vui vẻ sống lương thiện, hướng theo lý tưởng Phật Đạo* (từ bi, bác ái, hỷ xả ...) thì dù chưa thoát khỏi kiếp luân hồi (đào thai lại: *Qua Đạo Phật thời gian chuyển theo chu kỳ* (le temps est cyclique) của *luật luân hồi*.) cũng không gì đáng ngại, cái chết không quá đáng sợ gì cả....

Đối với người Âu Tây, quan niệm sống này rất là lạ và hay, vì mặc dù rất thiếu thốn về vật chất, nghèo nàn họ vẫn hiếu khách, cởi mở, vui vẻ sống hạnh phúc... xem ra vẫn giữ được phần nào tông chỉ (nhân - quả - duyên nghiệp....) của Phật Đạo. Với quan niệm Âu Tây sinh - tử chỉ có một lần đó là thời gian chuyển theo đường thẳng (le temps est linéaire) ; họ cũng đã nhận thấy nông dân, dân sống ở thôn quê hoàn toàn không có tiện nghi... nhưng lại có điều hạnh phúc hơn các công nhân nghèo, thất nghiệp... ở các thành phố lớn. *Qua Phật Đạo quan điểm nhân sinh* này đã và đang có ảnh hưởng sâu rộng ở Châu Âu và Bắc Mỹ..... vì *vậy Đạo Phật trở nên hấp dẫn đối với giai cấp trí thức*.

II.- Bắc Tông.

Vì được tự do tư tưởng không bị gò bó vào truyền thống « *nguyên thủy* » nên Bắc tông đã cho xuất hiện ra thuyết « *hình nhi thượng học* » (la métaphysique) và sinh ra nhiều tông phái (07). Ta chỉ nhắc đến ba tông quan trọng nhất :

1.- **Không Luận** phát xuất từ Bát Nhã Kinh (Prajna Paramita sutra) (*) – 600 quyển không có tên tác giả - đi vào rất sâu thuyết « *hình nhi thượng học* ». Thuyết này được đặt trên ba từ ngữ đặc biệt : **Sunyata** (*Không* = vide de forme, *non pas néant* – *Vacuité*) ; **Purusha** (*Sinh lực* = énergie ; *Chân ngã* = Énergie psychique) ; **Prakariti** (linh khí = substance ou *Karma* = *Nghiệp*).

Dựa vào không (Sunyata), chân ngã (Purusha) vì nghiệp (Prakariti) (*) mà tạo ra **Sinh – Lão - Bệnh - Tử** (*thành, trụ, hoại, không* = Sunyala) ...rồi tái Sinh. **Vạn pháp** (le monde physique et phénoménal) cũng theo thuyết này mà : *thành, trụ, hoại, không*. Mọi sự, mọi việc đều đi đến *không* = Sunyala như Phật nói : *tất cả sinh rồi cũng đi đến tử* - Il n'est rien de créé qui ne soit déjà en voie de disparition.

(*) Và Duyên khởi = **Pratitya samutpada**. Le Bouddha disait : « Là où il y a la forme, il y a le vide, et là où il y a le vide, il y a la forme ». Nơi nào có *sắc* thì có *không*, nơi nào có *không* thì có *sắc*.

(*) *Sắc* chẳng khác *không*, *không* chẳng khác *sắc* (1), *sắc* là *không*, *không* là *sắc*..... *không* có khổ, *Tập, Diệt, Đạo*....., *không* ta, *không* người » nghĩa là tất cả « *có* » của trần tục đều là « *không* » đối với Niết Bàn.

Cần phải hiểu rõ hơn rằng cái *không* (Vacuité) của Niết Bàn mà Tông Không Luận muốn đạt tới không phải *không hẳn* (Néant) mà là cái *không* của tất cả giá trị tương đối nghĩa là *không* còn cái *có* và *không* của trần tục. *Les valeurs relatives du Domaine du Conditionné seront des non valeurs du Domaine de l'Inconditionné* (Valeurs Absolues = *Chân Như ở Niết Bàn*). Cũng như các giá trị tương đối của sò ốc dưới biển đâu là giá trị của Đại bàng trên núi.

2.- **Trung Luận** lập ra do Bồ Tát Long Thọ (Nagardjuna - Bồ Tát Long Thọ - đắc đạo rất được tôn thờ ở Ấn Độ, Trung Hoa, Tây Tạng v. v.....hiện nay các tác phẩm của Ông được dịch ra và rất được ngưỡng mộ ở thế giới. Long Thọ đã phát biểu nhiều tư tưởng rất giống như lời Phật trong *Kinh Kim Cương*.) qua *Bát Nhã Kinh* nhờ đó mà Phật giáo Cấp tiến đã trở thành rất thịnh. Theo thuyết này cái *có* (hữu ; thực – *pháp chấp*) của người phạm tục thật ra là cái *không thực* nhưng không phải cái *không không* (Néant ou Inexistence – không tuyệt đối) vậy cái *không ở Niết Bàn* là *không có giá trị tương đối của trần tục*.

Niết Bàn (Domaine de l'Inconditionné ou *Extinction de toutes les valeurs relatives*) là giá trị tuyệt đối (*valeurs absolues*). Trần Tục (Domaine du Conditionné = *réalité conventionnelle*) nghĩa là chưa vào Niết Bàn chỉ có giá trị tương đối (valeurs relatives), dù là tương đối vẫn có giá trị với chúng sinh trần tục nhưng với *quý vị chân tu* muốn đi tới Niết Bàn thì sự phủ nhận giá trị tương đối là cần thiết (*) : chúng ta đừng lẫn lộn trình độ *Hiểu, Học, Hành Phật Đạo* về *Sắc – Không* giữa người trần tục và các vị chân tu đắc đạo của hai Tông : Phật Giáo Nguyên Thủy và Cấp Tiến.

(*) *La négation des valeurs relatives du Domaine du Conditionné leur sera une nécessité absolue.*

Khi đắc đạo ra khỏi tương đối thì sẽ thấy tuyệt đối (*réalité absolue*) rõ như nhìn mặt trời. Bên Pháp họ rất đề cao các suy luận trừu tượng (*l'abstraction loin de la Réalité*) ra khỏi thực tế *không như bên Đạo Phật*. Họ tự đề cao cái chết cao siêu (*la mort transcendante*), tả cảnh ở trên Thiên Đàng (la béatitude, la plénitude ...au paradis), tả các tin mừng (*le bonheur et l'espérance*....) do thần thánh đang đưa lại....chỉ cần chúng sinh có đức tin (*avoir uniquement la foi par la prière*) mà không phải tự làm (*sans action de soi-même*).

3.- **Thiền Tông (ZEN)** « *bất lập văn tự* » gốc chính là do Phật Giáo Nguyên Thủy và thêm vào là *phương pháp Yoga*. Cơ bản của tông này đặt trên Tam KHÔNG :

a.- **Vô Niệm** (libéralisation totale de l'esprit) : Trí tuệ thoát ra khỏi vòng kìm chế và hoàn toàn độc lập và tự do nên Chính Niệm trong Bát Chánh Đạo là phương tiện được dùng để đạt mục tiêu tối thượng Giác Ngộ trong đó là Vô Niệm : *Trí Tuệ phải ngự trị hoàn toàn Cơ thể và Tâm (lục giác)*

b.- **Vô Tướng** (Non Forme ou Vide) : Buông thả sự việc (détachement total), không chạy theo danh vọng, nghèo giàu, chức tước v. v. *tất cả đều là vọng tưởng*

c.- *Vô Trụ* - không bị chi phối bởi lục giác - (Sans références aux sens) : Như Tâm Phật đã truyền bá con đường giải thoát cho tất cả mọi người không hề có phân biệt, không vướng mắc một điều kiện nào cả : thiện ác, phải trái, sang hèn....*Phật đã đem lòng từ bi như mặt trời soi sáng mọi người mọi nơi vô điều kiện dù khen hay chê.*

Dù theo Tông Phái nào, Con đường đi đến giác ngộ rất khó - *đạt đến tột đỉnh của mỗi ngành học cũng rất khó vì không thể nhảy từ tiểu học lên ngay đại học rồi trở thành bác học ngay được.* Chúng Ta cần hiểu rõ điều này, rồi từ từ học để có thể hành đúng được, cần phải tránh mọi lẫn lộn (*vọng ngã*) giữa các cấp bậc tu hành (chân tu) trong Phật đạo.

B. – Vô Ngã.

I.- *Căn bản* ở chữ *Vô* nên chúng ta có thể dùng lại lời giải thích ở đoạn «*Vô thường*». Theo Phật đạo mỗi chúng ta được gọi là «ngã» - thể xác và trí tuệ (corporéité et esprit) - gồm có hai phần :

1.- *Vô Ngã* (le *moi impermanent*) : Đây chính là *Vô thường Ngã* cái mà chúng ta *trần tục* nhận thấy. Nó thay đổi liên tục không ngừng «Vô thường» nên không bao giờ có thể định nghĩa (xác định) được cho mỗi cá nhân. Đó là *Vọng Ngã*, là ảo tưởng... là do *vô minh* mà ra không phải sự thật (*chân như*), và đưa chúng ta vào con đường tôn thờ cái Ngã (*le culte du « moi »*) (*Tâm sai biệt*) đi đến việc làm sai quấy. Đây cũng là quan niệm của các vị Védandiste Ấn Độ và C. Jung (học trò nổi danh của Freud) : cái Ngã (le moi) chỉ là hình ảnh giả tạo (usurpateur) của bản chất Ta (le Soi - Chân Ngã).

Trên bình diện khoa học hiện đại, cái *thể (thân xác)* của Ta (Ngã) rồi sẽ tan biến sau cái chết nhưng các nguyên tử, phân tử, hợp chất.....sẽ vẫn còn, sự thật các chất này đã có trước cái Ngã Ta, như vậy Ta chỉ tạm mượn chúng để hợp thành cái thể xác. Mặc dù không ai chối cãi được Đạo Luật « Vô thường » nhưng theo Tây Phương cái mộng «*trường sinh*» (*rêve de l'éternité*) của mỗi cá nhân vẫn còn tồn tại đưa đến *Tâm sai biệt*.

Giai đoạn học : Theo Nam Tông *vô thường Ngã*, tuy thay đổi thường trực, phải xem là *có* (tương đối ở trần tục) vì cái *có Thể thì Ta mới có hành động tạo nghiệp* (Samskara) đi đến *tu là chuyển nghiệp*. Bắc Tông cho rằng cái *Thể Ta* (Ngã) thay đổi liên tục nên *không có bản chất thật* cũng không có *danh thật* nên phải coi nó như *không có giá trị* (*Vô Ngã*) đừng dùng nó làm tiêu chuẩn, làm căn bản để tu luyện.

Cái hiểu của hai Tông đều phát xuất từ : *Kinh-tạng, Luật - tạng, và Luận - tạng* được gọi là Tam tạng (Tripitaka). Khi học thì Nam Tông chấp nhận cái «*Hữu*» (*có*) tương đối (*Thể vô thường ở trần tục* hay Luân hồi) sẽ là cái «*Vô*» (*không*) (*Thể tuyệt đối*) ở Niết Bàn. Như vậy xem ra có *hai thể* : *Hữu* (Luân hồi) và *Vô* (Niết Bàn). Trong kiếp luân hồi Bắc Tông xem cái *Thể vô thường* không thực, không có giá trị là *không* (Luân hồi) và cũng là *không* khi vào Niết Bàn. Cũng vì lý do này mà sinh ra tranh chấp giữa hai bên và đi đến sự khác biệt trong việc *hành* Phật Đạo.

Theo Đức Phật : Cái *Hữu* và *Vô* trong kiếp Luân hồi đều là *Không* trong *Niết Bàn* (Giác Ngộ) – *La Forme et le Vide, Valeurs relatives du Domaine du Conditionné* (Luân hồi), *sont des vides de Valeurs absolues du Domaine de l'Inconditionné* (Niết Bàn).

2.- *Chân Ngã* (Énergie Psychique) : Đây là sinh lực trong mỗi chúng Ta bất diệt (indestructible) chứa đựng tính cách cơ bản của con người kể cả Tâm Phật vì vậy *chỉ có kiếp người* (như Đức Phật) mới có thể đi đến Giác Ngộ cho đến thánh thần, tất cả muôn thú cũng không làm được. *Chính cái chân ngã đã mang theo chữ nghiệp hiện kiếp và truyền kiếp trong cuộc sống hàng ngày và trong kiếp luân hồi* : Nghiệp – Nhân – Duyên - Quả.....không ai thoát được luật thiên nhiên này. Khi máu đã ngưng chảy trong huyết quản (chết) các sinh lực (*énergies vitales*) trong người sẽ thoát đi, tư tưởng, tâm tư cơ thể sẽ rã ralúc đó chỉ còn Chân Ngã (với Nghiệp), thay đổi thường xuyên nhưng bất diệt là còn tồn tại trong kiếp luân hồi để rồi sẽ *đào thai (revivre)* lại một kiếp khác. Cái *Chân Ngã* Ta lúc 10, 20, 50 tuổi ...lúc chết và sau cái chết đều đã có sự thay đổi vì vậy mà cũng không giống cái «*ngã của TA*» hoặc cái Ngã của bất cứ ai [*Ainsi le «moi» ne renaît pas le même et ce n'est pas non plus autre. Revivre par la transmigration*

(tái sinh của Phật Đạo) à ne pas confondre avec la réincarnation, terme spécifique du catholicisme qui signifie que *la même âme ou la même identité ou la même personnalité*, au moment de la résurrection (sống lại lúc tận thế), pourrait revivre dans la chair (carnation).]

Theo Phật Đạo *chuyển nghiệp* là tách khỏi cái Vô Ngã – đem cái Ngã xuống thấp tránh *Tâm Sai Biệt* do lỗi nhìn (nhân kiến) *Nhị Nguyên* (la dualité) mà ra : ta và người ; tâm và vật ; hữu và vô, sinh và tử- để có thể tiến đến Chân Ngã là tiến sâu vào giá trị cơ bản của con người – Từ Bi, Bác ái, Hỉ xả..... - để đạt được Tâm Phật và thoát khỏi vòng luân hồi. Đó là *Tâm Nhất Như – Tâm Bình Đẳng*.

Giai đoạn hiểu : Hai Tông Nam Bắc cùng *một giải thích* về *Chân Ngã* để tiến đến Niết Bàn tuy thế mỗi tông phái vẫn có nhiều người viết sách giải thích khác đi và còn đi quá xa là, *tuy họ chưa đến Tâm Phật*, vẫn tự hào biết hết (giải thích - định nghĩa) chi tiết nào Niết Bàn, nào Tâm Phật, nào trạng thái Giác Ngộ..... và *cho rằng Trời Phật đã hướng dẫn và đọc cho họ viết*.

II. – Hiểu. Chúng ta đã thấy cách *hiểu - học - hành* của hai Tông về Vô Thường, thì chữ *Vô (không)* này lại được áp dụng vào Vô Ngã. Về đường tu đạo ba chữ *hiểu - học - hành* *tùy thuộc hoàn toàn vào trình độ của mỗi chúng ta*. Đối với những ai đã đạt được Tâm Phật (giác Ngộ) thì mọi thể, tướng, vạn pháp v. v. của trần tục đều là *không* (toàn diện) của Niết Bàn (*Vacuité*) kể cả *Tam Bảo* (trần tục) : *Phật – Tăng – Pháp* (Bouddha – Sangha – Dharma) vì đây chưa phải giá trị tuyệt đối.

Trong thực tế chúng ta đâu đã thoát tục, đâu đã giác ngộ... chúng ta phải xem tam bảo là trọng, là giá trị là con đường phải theo, cũng nhờ các giá trị tương đối này làm phương tiện để theo Phật đạo mới hy vọng kiếp này, kiếp khác từ từ tiến đến giá trị tuyệt đối của Tâm Phật.

III.- Không toàn diện (La Vacuité) – Chân Không.

Thông thường đối với chúng sinh (trần tục) « *Tu là Chuyển Nghiệp* » đưa đến thành quả : *Nghiệp nặng trở nên nhẹ, nghiệp xấu trở nên tốt v. v.....* Đó là *Thay đổi Nghiệp* (Samskara : Ý Nghiệp - Khẩu Nghiệp – Thân Nghiệp) vẫn còn đó, *chúng sinh vẫn trong kiếp luân hồi* (Samsara).

A.- Bồ Tát Long Thọ (*Nagarjuna*) đã giải thích chữ “**KHÔNG**” *toàn diện* cho các bậc chân tu :

*“Puisque Tu (le Bouddha) enseignes le nectar de la Vacuité
Pour nous aider à abandonner tout concept,
Tu as fortement condamné
Le fait de s’attacher à cette Vacuité ».*

Tạm dịch :

*Do Đức Phật đã dạy cái tuyệt diệu về « không » (toàn diện),
Với mục đích để kể tu hành không còn mọi ý niệm (1),
Vì thế Phật đã bảo các người này,
Không được gắn bó với « không » (toàn diện) (2).*

(1) Đây chỉ là *giá trị tương đối* (réalité conventionnelle issue de l'imperfection de la capacité de perception des sens) của trần tục phải từ bỏ (*affranchissement*)

(2) Đây là sự *lệ thuộc* của trí tuệ vào chữ « *Không* », đúng ra trí tuệ phải tự do, *không* (giải thoát) còn lệ thuộc vào gì cả, kể cả chữ « *Không* ». *Le fait de s’attacher à cette Vacuité signifie que l’esprit est toujours dominé par la Vacuité.*

Mục đích là đi đến thành quả : Diệt Nghiệp (*), dứt toàn diện Nghiệp để trở thành Tâm Phật (**).

(*) *Faire disparaître intégralement le Samskara* (tiêu diệt *giá trị tương đối* trong tuệ giác).

(**) *Ý nghiệp đã tuyệt, tuệ giác đã thành* : trí tuệ đã hoàn toàn tự do đối với lục giác, bụi trần tục và *Tâm đã đạt đến Tâm Phật* : Mọi Nghiệp (Samskara) đã hết, kể đấng đạo sẽ thoát khỏi kiếp luân hồi (Samsara) - đó là *Pháp luân*.

B.- Chữ «**KHÔNG**» *toàn diện* (Chân không) của Bồ Tát Long Thọ dành cho các *bậc cao tăng đức độ* muốn tiến đến Niết Bàn qua luận lý của *tứ đạo* (*tétralemme*) – thông thường là *dilemme* (đi ; ở) - . Ví dụ : 1) *Vật* ; 2) *Không Vật* ; 3) (*Vật vừa Không Vật*) ; 4) *Vật và (Không Vật)*.

Bồ Tát Long Thọ đã lý luận rằng (**Không = Vô**):

- 1.- **Không Vật = Ni Être** (thay bằng **Sinh = être**) → **Không Sinh** (Vật).
Còn trong kiếp luân hồi (thập nhị nhân duyên: duyên khởi là **Vô Minh**) là còn **sinh**: Phải chấp nhận **Không Sinh** là phải diệt **Vô Minh**.
- 2.- **Không (không Vật) = Ni non-Être** (thay bằng **Tử = non-être**) → **Không Tử** (không Vật).
Nếu **Không Sinh** thì đương nhiên sẽ **Không Tử** nghĩa là thấu triệt (Hiểu) được thập nhị nhân duyên (les 12 conditions interdépendantes) đó là **Đạo Đế** (*)
- 3.- **Không (Vật vừa Không Vật) = Ni (Être avec non-Être)** → **Không (Sinh vừa Tử)**.
Nhờ hành đúng **Diệt Đế** (Bát Chính Đạo - Octuple Sentier) mà dứt thập nhị nhân duyên nghĩa là dứt được nghiệp (Samskara) và đạt tới được **Không (Sinh - Tử)** là giải thoát được kiếp luân hồi (Samsara), theo Pháp-luân của Phật-pháp.
- 4.- **Không Vật và Không (không Vật) = Ni Être et Ni (non-Être)** → **Không Sinh và Không Tử**, tức là đến được **Niết Bàn**, nơi mà Đức Phật đã giải thích: «**Cửa Bát Sinh, Bát Diệt đã mở**», được hiểu là **Giác Ngộ** (l'Éveil ou **la Connaissance**), là **Không (toàn diện)** (**la Vacuité** ou l'Extinction).

(*) **Tứ thánh Đế** (Les Quatre Nobles Vérités):

- a) **Khổ Đế**: Vérité de l'Existence de la Souffrance
- b) **Tập Đế**: Vérité des Causes de la Souffrance
- c) **Diệt Đế**: Vérité de la Délivrance de la souffrance
- d) **Đạo Đế**: Vérité de la Voie de la Délivrance de la souffrance.

Đây cũng là nguồn gốc từ **Bắc Tông Trung Luận** (Long Thọ) đặt ra chữ **không** của tứ đạo (**tétralemmes**) đã đưa đến tranh luận sôi nổi giữa giới trí thức cao cấp trên thế giới vì **có sự hiểu khác biệt về Đạo Phật trên bình diện cao siêu** như những lời dạy của đức Phật trong **Kinh Kim Cương dành cho các cao tăng**. Cũng vì **chưa đủ trình độ**, một số người Tây Âu thường cho rằng giáo lý Phật đạo có nhiều mâu thuẫn (**paradoxes**) và không hợp lý (**illogique**).

(A) Theo nguyên lý Aristote – 350 năm trước Thiên Chúa - (**dilemme** = nhị đạo hay **luồng nghi** – (âm); (dương) – (đi); (ở) - (X); (-X) - ... vv.) với hai lý đối nghịch một cái **đúng** thì cái kia phải **sai**. **Không khi nào cả hai đều đúng hoặc đều sai cả**. Ví dụ: X = đi; (-X) = ở (**Không đi = Non X**)

- 1) Nếu **đi** (X) thì **không ở** [Non (-X)]: nếu chấp nhận **đi** (X) thì phải **không** chấp nhận **ở** (-X)
- 2) Nếu **không đi** (Non X) thì **ở** (-X): nếu **không** chấp nhận **đi** (Non X) thì phải chấp nhận **ở** (-X)

Và theo nguyên lý này không thể chấp nhận **vừa đi vừa ở** [(X) et (-X) = vrais = đúng] hoặc **không đi không ở** [(Non X) et Non (-X) = vrais = đúng] đây được gọi là **la loi de non-contradiction ou le principe du tiers exclu**: không chấp nhận **tam đạo**.

Ai không chấp nhận nguyên lý này, thì Aristote xem họ chỉ có **khả năng suy luận như cây cỏ** và **không có chi để bàn**. Suy luận Á Châu của Lão tử thì trong **âm** đã có **dương** và ngược lại: hỷ xả (tolérance) cùng cực – tha tất cả kẻ cướp giết người dã thành cổ chấp (intolérance) – thì đã chấp nhận cái chết của kẻ vô tội khác. Theo Ông muốn có cuộc sống an nhàn và hạnh phúc thì Ta nên theo **luật quân bình của Tạo hóa** và đừng thái quá (**l'excès en tout est un défaut**).

Ngược lại luận lý trên, **theo Phật đạo** Ông Nagarjuna (100 năm sau Thiên Chúa) đã chấp nhận (hoặc phủ nhận) 04 trường hợp lý luận (tứ đạo = tétralemmes) như sau **đều đúng (hoặc sai)**:

- | | | |
|---------------|---------------|-----------------------------------|
| | (X) | (-X) |
| 1) M | → Sinh | → Không Sinh |
| 2) – M | → Tử | → Không Tử |
| 3) (M với –M) | → (Sinh - Tử) | → Không (Sinh với Tử) |
| 4) M và –M | → Sinh và Tử | → Không Sinh và Không Tử . |

Nếu gọi **sinh** (M) = **đúng** = vrai; **tử** = (-M) = **không đúng** = non vrai

(X): Đây là cái **đúng** cho chúng **sinh trong kiếp luân hồi** nhưng lại **sai (không đúng)** đối với các vị **chân tu**

muốn đến giác ngộ (Éveil).

Tóm lại là: « **Tất cả chúng sinh là phải sinh (đúng), phải tử (không đúng), phải trong vòng sinh-tử (đúng - không đúng) = luân hồi, và phải sinh rồi tử (đúng và không đúng)** » - Tout est vrai, non vrai, (vrai et non vrai), vrai et non vrai -

(-X) : Đây là cái **đúng** cho các vị *chân tu muốn đến giác ngộ* (la Connaissance ou Éveil) nhưng lại **sai (không đúng)** đối với *chúng sinh trong kiếp luân hồi*.

Tóm lại cái lý luận của Ông được xem là : « **Tất cả là không đúng (sinh), không không đúng (tử = không đúng), không [đúng với không đúng], không đúng (sinh) và không không đúng (tử)** » - Tout (X) est non vrai, ni non vrai, ni (vrai et non vrai), ni vrai et ni non vrai -

- 1) (X) = Non vrai = Non affirmation
- 2) (X) = Ni non vrai = Non négation ou négation de la négation
- 3) (X) = Ni (vrai et non vrai) = Négation d'un ensemble de deux arguments regroupés
- 4) (X) = Ni vrai et ni non vrai = Réfutation des deux arguments pris séparément

Xin xem giải thích qua **Phật đạo** của Ông Nagarjuna ở phần trên.

Ông đã tóm lược tư tưởng Phật qua giải thích : « **Tuyệt diệu của Phật đạo là Vô Ngã, Vô Chư Pháp, Vô Diệt (Bất Diệt), Vô Thường** » tạm dịch : « **Ni Identité, Ni Diversité, Ni Anéantissement, Ni Permanence c'est ainsi le nectar de l'enseignement du Bouddha** » (**tétralemme**) :

Vô Ngã (Ni Identité) = Vô **thường** ngã như đám mây không bao giờ giống nhau cả nên không thể nhận định được (identité). Không có gì là hoàn toàn của Ta cả : khởi sự là tinh trùng Cha + trứng Mẹ rồi đến nguyên tử, phân tử, đạm tố vv. đều là đồ mượn cả : do đó thân thể Ta chỉ là 01 *tổng hợp tạm thời* gồm toàn *thành phần mượn vô thường* (le « moi » n'est qu'un assemblage éphémère d'éléments impermanents)**không** có gì vĩnh cửu là của Ta (absence totale d'une essence du « moi » en soi et pour soi). Khi chết thân Ta « **mượn** » sẽ lại trả lại hết cho thiên nhiên và các cái của mượn đã có trước Ta sẽ còn tồn tại sau cái chết của Ta.

1) **Vô Chư Pháp (Ni Diversité)** = Nếu mỗi thành phần (éléments d'un Ensemble) là Vô Ngã thì tổng hợp (Ensemble = Chư Pháp) cũng chỉ là Vô thường pháp chấp (cổ chấp = réalité conventionnelle) **không** là **chân thật** (valeur absolue) của Niết Bàn và chỉ là **giá trị tương đối** trong tuệ giác.

2) **Vô Diệt (Ni Anéantissement) - Chân Ngã (Énergie Psychique est indestructible comme toutes les énergies = bất diệt)** của Ta tùy theo trường hợp sẽ trở về kiếp (une Identité muable) **Luân Hồi (Samsara)** hay vào **Niết Bàn (Nirvana)** nhưng vẫn tồn tại mãi mãi (Selon le Bouddhisme c'est le principe personnel éternel (Essence indestructible bodhisattva) de l'Identité muable) – Identité **muable** mais **indestructible** dans le cycle de révolution « Samsara ».

3) **Vô Thường (Ni permanence ou Impermanence)** đây là quy luật thiên nhiên do Đức Phật đã tìm thấy ; tất cả mọi vật đến cả vũ trụ đều thay đổi : **sinh - sống - lão - tử (thành, trụ, hoại, không) – formation (naissance) ; croissance ; vieillissement : dissolution (disparition)**. Qua sự sống và nhờ **Vô Thường Ngã** mà Ta mới có thể « **Tu là chuyển nghiệp** » để có thể tiến đến Tâm Phật - Grâce à sa précieuse vie et aux transformations perpétuelles tout individu serait capable de se rendre meilleur et de pouvoir atteindre, dans le devenir, le Nirvana.

Kết luận.

Khoa học ngày nay đã chứng minh rõ ràng cái Luật thiên nhiên « **Vô Thường** » là lúc nào cũng đúng với thời gian và không gian, do đó suy ra thuyết « **Vô thường ngã** » phải đúng. Nhưng đối Nam Tông và Bắc Tông **hiểu** thì giống nhau nhưng **học** và **hành** lại khác nhau mặc dù luôn luôn muốn **tôn trọng** đúng « **tông chỉ** » Phật Đạo.

Phật tử chúng ta cần ý thức được chữ **Hiểu** trong Phật Đạo để tránh tạo cơ hội cho cái **mâm chia rẽ** phát ra như đã thấy rất tai hại ở các tôn giáo khác. Theo Đạo Lão « **trong cái Thiện** (hay ; le Bien) đã có **mâm**

(germe) Ác (dữ ; le Mal), trong cái Ác đã có mầm Thiện ». Vì vậy nếu chúng quá gắn bó với Tông này, Phải nọ thì thành ra tránh né, tách rời Tông khác, Phải khác.....từ đó cái mầm chia rẽ sẽ nảy nở đưa chúng ta đi đến chỉ trích , chống đối ngược lại « tôn chỉ » của Phật Đạo phải xem như ánh sáng mặt trời soi sáng vạn vật (le monde des êtres), vạn pháp (la Nature entière ou le monde physique et phénoménal) không phân biệt nghèo giàu, sang hèn, nam nữ, trẻ già (chư pháp).....cho đến mọi loại vật vì sự sống mới có thể chuyển nghiệp qua kiếp luân hồi, rồi từ từ đi đến giác ngộ. Chữ Từ Bi, Bác Áicủa Đức Phật bao la, bao trùm tất cả cho đến người thương và kẻ ghét.

Đức Phật đã nói : « Theo Ta mà không chịu Hiểu Ta, chỉ là một sỹ nhục đối với Ta ». Ngài muốn nhắc chúng sinh cần Hiểu đúng Đạo Phật, Học đúng Tông Chỉ Phật và Hành đúng Phật Đạo. Mục đích tôn thờ Phật, cầu kinh....hành hươngcũng là nhắc nhở chúng ta đừng quên con đường Phật (Phật Pháp) đã đi đến Niết Bàn và đã truyền (*) lại cho chúng ta để rồi từ từ kiếp nào đó chúng ta sẽ theo đúng con đường (Đạo) này đi tới được giác ngộ giải thoát khỏi vòng luân hồi.

(*) Đó là nghĩa của chữ « Phật Độ ». Qua luật “Nhân duyên Quả” (loi du Karma), theo Đức Phật không có Thánh - Thần - Trời - Phậtnào dính vào “sinh - sống - bệnh - tử” (1) của người (chư pháp) hoàn toàn tự do và chịu trách nhiệm của đời mình. Đó là phần cao thâm của Đạo Phật, phải lấy cái tự lực, tự cường - không mê tín, dị đoan - mà tự mình giải thoát lấy mình. Phật nói « Thượng thiên hạ địa duy Ngã (của chính mình) độc tôn ».

Le Bouddha a dit : “l’homme naît seul, vit seul et meurt seul”. Và Lão Tử đã nói : « Thiên Địa bất nhân ». Nghĩa là luật Tạo Hóa của Trời Đất không có thiên vị ai cả, không ghét ai cả và cũng không ai sửa đổi được. Người khôn hay ngu, giàu hay nghèo, đẹp hay xấu khi đi qua sa mạc sẽ đều chết khô nếu không tôn trọng luật Tạo Hóa.

Qua bài nói chuyện này, xin Quý Vị thứ lỗi cho tôi không đủ khả năng giải thích và định nghĩa : Niết Bàn - Tâm Phật – tâm đã Giác Ngộ..... mà chỉ có khả năng chia sẻ cái hiểu Phật đạo để đi đến các mục đích này. Vì sao ? Tôi đây chỉ là một trí thức phật tử vẫn còn trần tục, đâu đã giác ngộ..... mà giám giải thích những điều chính Đức Phật cũng không muốn nói ra (1), vì những điều này (Niết Bàn) Phật có nói ra chúng sinh trần tục cũng không hiểu nổi. Ngay chúng ta đây cũng chưa có khả năng thật sự hiểu được loài người... và thật sự đâu đã thấu triệt được bản thân của mỗi cá nhân chúng ta

Có khác chi cùng là trần tục với nhau, nếu bây giờ tôi nói đến équation d’onde de Schrodinger dans la physique quantique thì những ai chưa tới giai đoạn này cũng sẽ không hiểu không phải vì thiếu trí tuệ, trí khôn mà vì không ai có thể am tường tất cả hiểu biết của nhân loại ngoài trừ Phật (2).

(1) Trong Kinh Kim Cương Đức Phật đã nói : « Cái gọi là Phật Pháp (trần tục), tức không phải Phật Pháp (Niết bàn), nên gọi là Phật Pháp (khi còn ở trần tục)».

(2) Ở cõi trần tục sự hiểu biết của con người là có giới hạn : Le principe de la limite du savoir dans le Domaine du Conditionné est reconnu par la Science actuelle.

Ông Nagarjuna (Bồ Tát Long Thọ) đã viết cho những người quá tự kiêu, tự mãn ... chưa đến được Diệt Nghiệp : « Nếu quý vị nhìn thấy Phật, phải giết ngay Phật đi » - Si tu vois le Bouddha, tue-le. Vì đây không phải là Phật (là vọng kiến của con cá sống trong ao tù đâu có thể hiểu được đại bàng sống trên núi Hy Mã Lạp Sơn).

Paris tháng 09 năm 2009

TRỊNH Khải